

Số: 445/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Hưng Yên  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;



*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 7721/BC-HĐTĐ ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Thực hiện các Kết luận của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh: số 558-KL/TU ngày 03 tháng 11 năm 2022 về Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; số 671-KL/TU ngày 31 tháng 5 năm 2023 về điều chỉnh phương án Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Thực hiện các Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: số 951-TB/TU ngày 06 tháng 02 năm 2023 về hoàn thiện Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; số 1598-TB/TU ngày 04 tháng 4 năm 2024 về điều chỉnh phương án Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thông qua Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh**

a) Rà soát, tiếp thu đầy đủ các ý kiến tham gia của Hội đồng thẩm định, các Bộ, ngành Trung ương; văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy về phương án Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, ngành. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định của pháp luật trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Trong quá trình báo cáo Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 nếu phát sinh các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung; Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật. Sau khi Quy hoạch tỉnh Hưng Yên được phê duyệt, tổ chức công bố công khai quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch theo đúng quy định. Chuẩn bị đủ

nguồn lực, điều kiện để thực hiện Quy hoạch tỉnh Hưng Yên đảm bảo đạt các mục tiêu và định hướng đã đề ra.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, kỳ họp thứ Mười chín nhất trí thông qua ngày 11 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác ĐB thuộc UBTWQH;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, TX, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Toàn**



**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY HOẠCH TỈNH HUNG YÊN**  
**THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050**

*(Kèm theo Nghị quyết số 445/NQ-HĐND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của HĐND tỉnh)*

**I. PHẠM VI RANH GIỚI CỦA QUY HOẠCH TỈNH**

Toàn bộ phạm vi phần lãnh thổ tỉnh Hưng Yên với tổng diện tích tự nhiên 930,22 km<sup>2</sup>, với 10 đơn vị hành chính bao gồm: thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào và 08 huyện (An Thi, Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ, Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ). Ranh giới tọa độ địa lý từ 20°36' đến 21°01' vĩ độ Bắc, từ 105°53' đến 106°17' kinh độ Đông, phía Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía Đông giáp tỉnh Hải Dương, phía Tây và Tây Bắc giáp thành phố Hà Nội, phía Tây Nam giáp tỉnh Hà Nam, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

**1. Quan điểm phát triển**

a) Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật Nhà nước, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030; phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển và các quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia; quy hoạch, kế hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

b) Phát triển nhanh, bền vững và toàn diện trên cơ sở nâng cao hiệu quả cải cách thể chế, tăng cường liên kết vùng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh dựa vào khai thác các lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi của tỉnh trong vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, nằm liền kề thủ đô Hà Nội và các địa phương đang phát triển rất nhanh gắn với khai thác thế mạnh của vùng về địa chính trị, địa kinh tế, điều kiện tự nhiên, các nguồn lực, giá trị văn hoá, lịch sử; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng hài hòa với tự nhiên, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các - bon thấp, kinh tế số, kinh tế tri thức. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo; công nghiệp công nghệ cao; phát triển kinh tế đô thị, dịch vụ, du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, logistics hiện đại; phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao.

c) Phát triển nhanh, bền vững, tạo bước đột phá về tốc độ và chất lượng



tăng trưởng kinh tế trên cơ sở tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp lớn, các tập đoàn đa quốc gia, các dự án đầu tư lớn có công nghệ hiện đại; phát triển các khu công nghiệp, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghệ cao, khu du lịch, khu đô thị, trung tâm dịch vụ, thương mại, các khu chức năng khác có quy mô lớn, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

d) Phát triển bền vững, bao trùm, gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, phát triển văn hóa, giảm nghèo bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giảm chênh lệch về trình độ phát triển giữa các khu vực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; khơi dậy khát vọng phát triển và phát huy các giá trị văn hóa, con người để xây dựng, phát triển tỉnh Hưng Yên ngày càng hưng thịnh và yên bình, trở thành tỉnh công nghiệp mạnh, giàu đẹp, văn minh, văn hiến, hiện đại. Phát huy tối đa nhân tố con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, lấy giá trị văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, chính quyền số, xã hội số, coi đây là động lực phát triển quan trọng, nhân tố quyết định nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh.

đ) Phát triển Hưng Yên theo hướng đô thị xanh, thông minh, dựa trên hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối đồng bộ, thông suốt với thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng và trong nội bộ tỉnh. Từng bước phát triển hài hòa các tiểu vùng của tỉnh gắn phát triển hệ thống đô thị, hạ tầng kinh tế, xã hội, bố trí hợp lý các khu, cụm công nghiệp, các trung tâm thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

e) Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng xã hội ổn định, hài hoà, đoàn kết, trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh.

## **2. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đến năm 2030**

### ***a) Mục tiêu tổng quát***

Đến năm 2030, Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, có quy mô kinh tế và trình độ phát triển trong nhóm dẫn đầu cả nước; theo hướng trở thành một đô thị thông minh, xanh, môi trường sống tốt; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại; công nghiệp thuộc nhóm phát triển mạnh của cả nước; phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn; xã hội phát triển hài hoà với thiên nhiên; bản sắc văn hoá được bảo tồn và phát huy; đời sống nhân dân được nâng cao; quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.



### **b) Mục tiêu cụ thể**

#### **\* Về kinh tế**

- Tốc độ tăng trưởng GRDP khoảng 9,0%/năm giai đoạn 2021-2030;
- GDP bình quân đầu người đạt khoảng 278 triệu đồng;
- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, thủy sản 3,6%, công nghiệp-xây dựng 64,1%, khu vực dịch vụ 25,4%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp 6,9%;
- Huy động vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2030 khoảng 700 nghìn tỷ đồng;
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt khoảng 12-13 tỷ USD vào năm 2030;
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt khoảng 60-65% và đến năm 2050 khoảng 80%;
- Kinh tế số chiếm 35% GRDP;
- Tốc độ tăng năng suất lao động đạt từ 8,5-9,0%/năm;
- Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021-2030 đạt 50-55%.

#### **\* Về xã hội**

- Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu của cả nước;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 1,0%;
- Tuổi thọ bình quân đạt trên 76,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 68 năm;
- 100% trường mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 78-80%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50-55%;
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động khoảng 11-13%;
- Có 19 bác sỹ trên 1 vạn dân; 35 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 98%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 0,5% vào cuối năm 2025 và không còn hộ nghèo đến năm 2030.

#### **\* Về bảo vệ môi trường**

- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đạt 100%;
- Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn về môi trường đạt 100%; 100% dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt trên 98%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt trên 95%; 100% tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý an toàn theo quy định; các đô thị phải có hệ thống